

Bản án số: 1236/2024/HC-PT

Ngày 29-11-2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Ông Dương Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 794/2024/TLPT-HC ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3206/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Trọng T, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Số E Hồ B, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Vũ Gia K – Luật sư thuộc Công ty L – Đoàn Luật sư tỉnh Đ (vắng mặt).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: Số H L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T1; chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Hoàng Thị Thanh N; chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số F đường P, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.2. Ông Nguyễn Duy K1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.3. Ông Tô Sỹ B, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tô Sỹ Đ, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số C B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2023).

Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Phạm Trọng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Trọng T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, ngày 22/8/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 10935/QĐ-UBND thu hồi 569,0m² đất tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của ông Phạm Văn T2, Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B trong đó, có 100m² đất của ông Phạm Trọng T (Quyết định số 10935/QĐ-UBND). Cùng ngày 22/8/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 10944/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Quyết định số 10944/QĐ-UBND). Ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND đề nghị cưỡng chế thu hồi đất (Quyết định số 1776/QĐ-UBND).

Ông T không đồng ý với các quyết định nêu trên, bởi vì:

Tháng 8/2022, UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng áp dụng bảng giá đất được phê duyệt từ năm 2019 để bồi thường là không đúng; Diện tích đất bị thu hồi tiếp giáp với đường nhựa hiện hữu đường vào Trạm Biến áp 220/110kv rộng 14m (nay là đường R, đang thi công quy mô rộng 27m) nhưng UBND thành phố V không căn cứ để xác định giá đất cụ thể để bồi thường là không đúng; Gia đình ông T bị giải tỏa trắng, bị giải tỏa toàn bộ nhà ở được xây dựng từ năm 1991 nhưng UBND thành phố V không bồi thường, hỗ trợ là không đúng; Ủy ban nhân dân thành phố V chưa giao đất ở tái định cư, đất ở mới nhưng đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất là không đúng.

Đối với việc áp dụng bảng giá đất để bồi thường:

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc

bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, như sau:

“2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Theo quy định trên thì UBND thành phố V phải bồi thường cho bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi (hoặc) nếu không có đất để bồi thường thì bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Trong trường hợp này, UBND thành phố V bồi thường bằng tiền, thì giá đất để bồi thường phải được xác định tại thời điểm thu hồi đất. UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất là ngày 22/8/2022, thì giá đất để bồi thường cũng phải được xác định tại thời điểm này, điều này pháp luật quy định rất rõ như đã nêu ở trên. Song, trong Quyết định số 10944/QĐ-UBND, UBND thành phố V đã áp giá bồi thường về đất được ban hành trong Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh B, về việc: “Phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà T tại Phường A, thành phố V” cách thời điểm thu hồi đất của chúng tôi 02 năm và 8 tháng (ngày 03/12/2019 đến ngày 22/8/2022), điều này là không đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc xác định tuyến đường để xác định giá đất:

Năm 2015, UBND thành phố V thu hồi của ông Phạm Văn T2 diện tích đất 1.018,0m² để xây dựng Công trình: Trạm biến áp 220/110kv và đường vào T4, Phường A, thành phố V. Sau khi UBND thành phố V thu hồi đất để làm đường thì diện tích đất còn lại nay đang bị thu hồi tiếp giáp với đường vào trạm biến áp có mặt đường trải nhựa rộng 14m.

Năm 2020, UBND thành phố V tiếp tục thu hồi đất của người dân tại đây để thực hiện Dự án Đường R, cũng là tuyến đường vào Trạm Biến áp tiếp giáp với đất của chúng tôi đang thi công có quy mô rộng 27m. Tuy nhiên, trong Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh B, về việc: “Phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà T tại Phường A, thành phố V” không căn cứ tuyến đường vào Trạm B (nay là đường R) để xác định giá đất bồi thường mà xác định là đất vị trí 5 đường C (vị trí thấp nhất của đường C) là không đúng. Bởi lẽ, tuyến đường vào Trạm biến áp là tuyến đường do Nhà nước thu hồi đất và xây dựng phục vụ cho mục đích giao thông công cộng để phát triển kinh tế - xã hội, là tuyến đường quan trọng nối đường C và đường B. Sau khi tuyến đường này được mở thì giá đất chuyển nhượng tăng gấp nhiều lần so với trước đây, nếu UBND thành phố V khảo sát giá đất là đất tiếp giáp với tuyến đường này sẽ cao hơn rất nhiều giá đất vị trí 5 đường 30/4 được phê duyệt tại Quyết định số: 3292/QĐ-UBND nêu trên.

Đối với việc bồi thường nhà ở, vật kiến trúc trên đất:

Ủy ban nhân dân thành phố V thu hồi đất, giải tỏa nhà ở và vật kiến trúc trên đất gồm: Nhà tạm (5,25m x 10,4m); nhà 01 tầng loại 2 (5,25m x 9,6m) + gác

loại 5 (5,25m x 9,6m); mái lá, nền bê tông (5,25m x 5,0m)... Nhà ở trên đất do ông T xây dựng từ năm 1991, trong quá trình sinh sống, sử dụng gia đình có sửa chữa cải tạo lại như hiện nay là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp do gia đình tạo dựng.

Căn cứ Điều 89 Luật Đất đai, quy định. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.

“1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

Trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường theo thiệt hại thực tế.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được bồi thường thiệt hại theo quy định của Chính phủ”.

Căn cứ Điều 15 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B, quy định về việc: Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất:

“1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ngừng sản xuất, kinh doanh mà có thiệt hại thì được bồi thường thiệt hại”

Vì vậy, UBND thành phố V không bồi thường cho ông T là không đúng.

Đối với việc cưỡng chế thu hồi đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định về lập và thực hiện dự án tái định cư

“Việc lập và thực hiện dự án tái định cư quy định tại Điều 85 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định như sau:

1. Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng phải bảo đảm có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất”.

Theo quy định này thì trước khi UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất phải có đất ở hoặc nhà ở tái định cư. Ông T thuộc diện bị giải tỏa trắng, phải di dời chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác, song mãi tới năm 2023, UBND thành phố V mới thông báo về việc khảo sát thực địa tại Khu tái định cư

và cho đến nay, ông T vẫn chưa được nhận đất tái định cư trên thực địa để xây dựng nhà ở ổn định đời sống nhưng ngày 20/4/2023 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là không đúng.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu:

Hủy Quyết định số 10935/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND thành phố V “Về việc thu hồi 569,0m² đất của ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan) đang sử dụng tại Phường A để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V”;

Hủy Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND thành phố V “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B (là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V”.

Hủy Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V “Về việc cưỡng chế thu hồi đất”.

Buộc UBND thành phố V hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt cho gia đình ông T.

Áp dụng khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 xác định lại giá đất mới tại thời điểm thu hồi đất theo tuyến đường hiện hữu tiếp giáp với đất bị thu hồi để bồi thường cho gia đình ông T.

Yêu cầu UBND thành phố V bồi thường diện tích đất 100m² đã thu hồi của gia đình ông T theo giá đất ở.

Người bị kiện trình bày:

Về nội dung buộc UBND thành phố V hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt cho gia đình ông Phạm Trọng T:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Diện tích 569,0m² đất thu hồi thuộc diện tích đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 164434 ngày 11/10/2010 cho ông Phạm Văn T2 thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 49, Phường A, với diện tích 569,0m² đất trồng cây lâu năm khác. Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, trên đất có nhà, vật kiến trúc ông Phạm Trọng T xây dựng, đang sử dụng.

Quá trình thu hồi, bồi thường:

Ngày 23/7/2019, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 3967/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm cho các hộ gia đình, cá nhân, đơn vị để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V. Trên sơ sở Kế hoạch số 3967/KH-UBND, UBND thành phố đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 4261/TB-UBND ngày 02/8/2019 về việc thu hồi đất của ông Phạm Văn T2. Ngày 13/8/2019, U tổ chức họp triển khai các thông báo thu hồi đất và phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân thuộc Dự án. Ngày 16/8/2019, U có

Báo cáo số 106/BC-UBND về kết quả buổi họp dân phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với Dự án, theo đó các hộ dân không đồng ý về quy hoạch và triển khai thực hiện dự án, không cử người đại diện tham gia Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Thành phố.

Ngày 28/2/2020, Chủ tịch UBND thành phố V đã chủ trì tiếp đại diện các hộ dân có đất thu hồi thuộc Dự án. Ngày 04/3/2020, UBND thành phố có Thông báo số 1129/TB-UBND về kết luận buổi tiếp đại diện công dân có đất thu hồi thuộc Dự án, theo đó UBND thành phố V xác định tiếp tục thực hiện dự án đúng quy hoạch đã được duyệt. Ngày 16/3/2020, UBND thành phố đã có Văn bản số 1321/UBND-PTQĐ về việc trả lời đơn kiến nghị của 95 hộ dân thuộc Dự án. Ngày 20/3/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V có Thông báo số 459/TB-PTQĐ về kế hoạch tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với Dự án.

Do ông Phạm Văn T2 (Phạm Trọng T) không phối hợp kiểm đếm thống kê theo quy định pháp luật, buộc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14539/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 10/3/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V đã thực hiện kiểm đếm thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất, theo đó ông Phạm Văn T2 (Phạm Trọng T) ký tên vào biên bản kiểm đếm theo quy định. Tại Biên bản họp xét duyệt phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 12/4/2022 của U, theo đó xác định nhà do ông Phạm Trọng T xây dựng hình thành sau ngày 01/7/2006.

Ngày 06/6/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố V đã họp xét trong đó có ông Phạm Văn T2 (Phạm Trọng T) (Stt 06). Ngày 22/8/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 10935/QĐ-UBND về việc thu hồi 569,0m² đất do ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan) đang sử dụng tại Phường A để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V.

Ngày 22/8/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 10944/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Phạm Văn T2 (ông (bà) Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, phường A, thành phố V, theo đó:

“Bồi thường diện tích 569,0m² đất thu hồi theo giá đất nông nghiệp trên cơ sở giá đất cụ thể của Dự án Nhà tang lễ được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 03/12/2019;

Nhà, vật kiến trúc trên đất do ông Phạm Trọng T xây dựng không bồi thường, hỗ trợ, do xây dựng trên đất nông nghiệp, hình thành sau thời điểm 01/07/2006, trên cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND Tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.”

Ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất, đối với phần diện tích 569,0m² đất do ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan) đang sử dụng tại Phường A, thành phố V. Ngày 19/6/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Thông báo số 1070/TB-UBND về cưỡng chế thu hồi đất thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1776/QĐ-UBND ngày 20/4/2023. Ngày 29/6/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (giao đất ở) cho ông (bà) Phạm Trọng T (có nhà xây dựng và sử dụng trên đất của ông Phạm Văn T2), địa chỉ: 3 đường B, Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, Phường A, thành phố V.

Ngày 29/6/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3454/QĐ-UBND về việc giao cho ông (bà) Phạm Trọng T 01 lô đất ở mới tại Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu công trình công cộng và tái định cư Phường A, thành phố V để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị. Ngày 19/12/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8747/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông (bà) Phạm Văn T2 (ông (bà) Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, Phường A, thành phố V, theo đó đã bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất nông nghiệp đối với diện tích 569,0m² đất đã thu hồi tại thời điểm thu hồi đất (tháng 08/2022) theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 trên cơ sở Quyết định số 8044/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND thành phố V phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho các hộ dân khiếu nại, kiến nghị về giá đất tính bồi thường theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 thuộc dự án Nhà T thành phố V, Phường A, thành phố V

Như vậy, từ quá trình thu hồi, bồi thường nêu trên thì thời điểm mà ông Phạm Trọng T xây dựng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt trên diện tích đất nông nghiệp mua bán giấy tay từ ông Phạm Văn T2 được U xác định xây dựng, hình thành sau ngày 01/7/2006.

Căn cứ khoản 4 Điều 1 Quyết định 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND Tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh B, bổ sung Điều 17b về hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, quy định:

“Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và xây dựng trước thông báo thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ theo quy định sau:

1. Đối với khu vực đô thị:

a) Xây dựng trước ngày 01/7/2004: hỗ trợ bằng mức bồi thường;

b) Xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006: hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường.

c) Xây dựng sau ngày 01/7/2006: không hỗ trợ.”

Do đó, việc ông Phạm Trọng T yêu cầu UBND thành phố V hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không có căn cứ pháp luật để xem xét.

Về nội dung buộc UBND thành phố V áp dụng khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 xác định lại giá đất mới tại thời điểm thu hồi đất theo tuyến đường hiện hữu tiếp giáp với đất bị thu hồi để bồi thường cho gia đình ông Phạm Trọng T:

Về yêu cầu áp dụng khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 xác định lại giá đất mới tại thời điểm thu hồi đất:

Ngày 19/12/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8747/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông (bà) Phạm Văn T2 (ông (bà) Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, Phường A, thành phố V, theo đó đã bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất nông nghiệp đối với diện tích 569,0m² đất đã thu hồi tại thời điểm thu hồi đất (tháng 08/2022) theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 trên cơ sở Quyết định số 8044/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND thành phố V phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho các hộ dân khiếu nại, kiến nghị về giá đất tính bồi thường theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 thuộc dự án Nhà T thành phố V, Phường A, thành phố V.

Như vậy, UBND thành phố V đã thực hiện bồi thường diện tích 569,0m² đất đất nông nghiệp đã thu hồi tại thời điểm thu hồi đất (tháng 08/2022) theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013.

Về yêu cầu buộc UBND thành phố V xác định giá đất theo tuyến đường hiện hữu tiếp giáp với đất bị thu hồi để bồi thường:

Năm 2015, UBND thành phố V đã thu hồi một phần đất đang sử dụng của các hộ dân trong đó có ông Phạm Văn T2 để làm đường đi vào Trạm biến áp 220/110KV, tuy nhiên đường đi vào Trạm biến áp chưa được Nhà nước đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn quy định, mà chỉ thu hồi đất, rải đá, mở rộng con hẻm G đường C hiện hữu để Tổng Công ty T5 (Ban Quản lý Dự án các công trình điện M chủ đầu tư) chuyên chở thiết bị điện vào nơi đặt Trạm biến áp 220/110KV.

Do đó, tuyến đường này chưa được đưa vào Bảng giá đất hàng năm của T3 theo quy định, chưa được thể hiện trên hồ sơ địa chính tại thời điểm thu hồi đất.

Căn cứ Khoản 5 Điều 9 Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020-

31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định:

“5. Giá đất tọa lạc trong các khu vực quy hoạch, đang thi công, hoặc đã thi công hoàn chỉnh:

a) Trường hợp thửa đất tọa lạc trong các khu vực quy hoạch, đang thi công, hoặc đã thi công hoàn chỉnh được xác định như sau:

Đối với những tuyến đường, đoạn đường đã thi công hoàn chỉnh đưa vào sử dụng nhưng chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh xác định loại đường (hoặc chưa điều chỉnh loại đường) tại các phụ lục của quyết định này, thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tập hợp xác định loại đường đề xuất để Sở T6 chủ trì phối hợp với Sở T7, Cục Thuế, Sở Xây dựng xem xét điều chỉnh hoặc bổ sung loại đường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cho phù hợp.

Đất tọa lạc trong các khu vực, tuyến đường (kể cả hẻm, ngõ X) quy hoạch đã có quyết định thu hồi đất, nhưng chưa thi công hoàn chỉnh đưa vào sử dụng tại thời điểm xác định giá, thì giá đất được tính theo vị trí đối với loại đường chính (hoặc hẻm, ngõ xóm) hiện hữu đã được quy định trong danh mục đường chính.

Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND Tỉnh, quy định: *“Trong trường hợp thửa đất trong hẻm, ngõ xóm có lối ra nhiều đường chính thì vị trí đất trong hẻm, ngõ xóm xác định được tính từ đường chính có tổng giá trị của thửa đất cao nhất.*

Những thửa đất nằm ở mặt tiền đường hẻm có chiều rộng từ 4m trở lên; vị trí 5 được tính sau mét thứ 300”;

Theo vị trí đất thu hồi của ông Phạm Trọng T thì khoảng cách từ tim thửa đất thu hồi ra đường phố chính là đường C (đường L) khoảng 601m; nếu đi ra đường B (đường loại 4) là khoảng 407m.

Căn cứ quy định nêu trên thì thửa đất thu hồi của ông T được xác định vị trí 5 gần đường phố chính là đường B (đường loại 4), tuy nhiên UBND thành phố V đã xác định giá đất bồi thường cho hộ ông T theo đường phố chính có giá trị cao nhất thuộc vị trí 5 đường C (đường L) là có lợi cho người sử dụng đất, đúng quy định.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND thành phố đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện Phạm Trọng T về nội dung hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt cho gia đình ông T và xác định giá đất theo tuyến đường hiện hữu tiếp giáp với đất bị thu hồi.

Về nội dung yêu cầu bồi thường giá đất cụ thể theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013, UBND thành phố V đã thực hiện bồi thường cho ông T Quyết định số 8747/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 do đó, đề nghị Tòa án đình chỉ nội dung khởi kiện này.

Về yêu cầu UBND thành phố V bồi thường diện tích đất 100m² đã thu hồi theo giá đất ở thì như đã phân tích ở trên, UBND thành phố V cũng không đồng ý nội dung này.

Từ những phân tích trên, UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu của ông T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 10935/QĐ-UBND, Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND thành phố V và hủy Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn T2 trình bày: Đồng ý với nội dung trình bày của ông T và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông Nguyễn Duy K1 trình bày: Đồng ý với nội dung trình bày của ông T và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông Tô Sỹ B trình bày: Đồng ý với lời trình bày của ông T và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định:

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 66, 67, 69, 71, 74, 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 4, 9 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Điều 1 Quyết định 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng T về việc:

Hủy Quyết định số 10935/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V “Về việc thu hồi 569,0m² đất của ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan) đang sử dụng tại Phường A để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V”;

Hủy Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B (là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V”.

Hủy Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V “Về việc cưỡng chế thu hồi đất”.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V: Hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt cho gia đình ông T; xác định lại giá đất mới tại thời điểm thu hồi đất theo tuyến đường hiện hữu tiếp giáp với đất bị thu để bồi thường và bồi thường diện tích đất 100m² đã thu hồi của gia đình ông T theo giá đất ở, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông Phạm Trọng T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/6/2024, người khởi kiện, ông Phạm Trọng T kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Về việc áp dụng bảng giá đất để bồi thường: Ủy ban nhân dân thành phố V áp giá bồi thường về đất được ban hành tại Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh B cách thời điểm thu hồi đất của ông T là 2 năm 8 tháng, điều này là không đúng quy định.

Về việc xác định tuyến đường để xác định giá đất: Diện tích đất bị thu hồi tiếp giáp với tuyến đường vào Trạm biến áp được UBND tỉnh B phê duyệt, xây dựng năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định tại chỗ và xác định sự tồn tại của tuyến đường này trên thực địa. Do đó, UBND thành phố V xác định phần đất bị thu hồi là đất vị trí 5- vị trí thấp nhất, tương đương với đất không có đường vào là không đúng.

Đối với việc bồi thường nhà ở, vật kiến trúc trên đất: Nhà ở và vật kiến trúc trên đất do gia đình ông xây dựng từ năm 1992 có xác nhận của chính quyền địa phương. Trong quá trình sinh sống, sử dụng gia đình ông T có sửa chữa cải tạo lại và trồng trọt, chăn nuôi như hiện nay là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp do gia đình tạo dựng. Căn cứ theo quy định của pháp luật, UBND thành phố V không bồi thường cho gia đình ông T là không đúng.

Về việc cưỡng chế thu hồi đất: Căn cứ quy định pháp luật về lập và thực hiện dự án tái định cư thì trước khi UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất phải có đất ở hoặc nhà ở tái định cư cho gia đình ông. Gia đình ông T thuộc diện bị giải tỏa trắng, phải di dời và không còn chỗ ở nào khác, song UBND thành phố V thu hồi đất, cưỡng chế phá dỡ nhà của gia đình ông mà không bồi thường nhà ở, không bồi thường vật kiến trúc trên đất và cũng không hỗ trợ tái định cư là không có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thời điểm ông T xây dựng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt trên diện tích đất nông nghiệp mua bán giấy tay từ ông Phạm Văn T2, được U xác định, hình thành sau ngày 01/7/2006. Do đó, việc ông T yêu cầu UBND thành phố V hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt là không có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, ông T cho rằng phải được hỗ trợ vì ông chăn nuôi, nhưng diện tích đất của ông T trong hồ sơ là đất để làm nhà ở.

Về việc giá đất bồi thường thì UBND thành phố V đã khảo sát và trình lên UBND tỉnh B xin chủ trương và đã áp dụng đúng, đầy đủ theo giá đất tại thời điểm thu hồi.

Về tuyến đường: Phần đất của ông T tiếp giáp hẻm 722 của đường C. Tuyến đường ông T trình bày là đường vào trạm điện, tuy đã hoàn thành nhưng

chưa được bàn giao lại cho tỉnh quản lý, chưa có tên trong bảng giá đất. UBND thành phố V đã tuân thủ, đúng, đầy đủ và có lợi trong việc áp dụng pháp luật cho ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của ông Phạm Trọng T làm trong hạn luật định, đúng hình thức.

Về nội dung: UBND thành phố V đã ban hành các quyết định là phù hợp, đúng và đầy đủ với các quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng T là có căn cứ. Ông Phạm Trọng T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Ông Phạm Trọng T kháng cáo đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Quyết định số 10935/QĐ-UBND và Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND thành phố V; Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V. Đồng thời, khi giải quyết đã xem xét các quyết định hành chính có liên quan là đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vắng mặt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đồng ý xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[4] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 10935/QĐ-UBND và Quyết định số 10944/QĐ-UBND của UBND thành phố V; Quyết định số 1776/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V ban hành đúng thẩm quyền và trình tự là có căn cứ.

[5] Hồ sơ vụ án thể hiện:

[5.1] Cùng ngày 22/8/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 10935/QĐ-UBND về việc thu hồi 569,0m² đất do ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan) đang sử dụng tại Phường A để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V và Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Phạm Văn T2 (ông (bà) Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, Phường A, thành phố V.

[5.2] Ngày 21/6/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (giao đất ở) cho ông (bà) Phạm Trọng T (có nhà xây dựng và sử dụng trên đất của ông Phạm Văn T2), địa chỉ: 3 đường B, Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, Phường A, thành phố V. Ngày 29/6/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3454/QĐ-UBND về việc giao cho ông (bà) Phạm Trọng T 01 lô đất ở mới tại Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu công trình công cộng và tái định cư Phường A, thành phố V để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị.

[5.3] Ngày 19/12/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8747/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông (bà) Phạm Văn T2 (ông (bà) Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V, Phường A, thành phố V, theo đó đã bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất nông nghiệp đối với diện tích 569,0m² đất đã thu hồi tại thời điểm thu hồi đất (tháng 08/2022) theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 trên cơ sở Quyết định số 8044/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND thành phố V phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho các hộ dân khiếu nại, kiến nghị về giá đất tính bồi thường theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 thuộc dự án Nhà tang lễ thành phố V, Phường A, thành phố V.

[6] Mục đích thu hồi đất của UBND thành phố V là để thực hiện dự án xây dựng Nhà tang lễ thành phố V, đã được UBND tỉnh B phê duyệt để thực hiện công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, an sinh xã hội tại thành phố V. Dự án này do nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013.

[7] Xét Quyết định số 10944/QĐ-UBND, thấy rằng:

[7.1] Ngày 19/12/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8747/QĐ-UBND có nội dung phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Phạm Văn T2 (ông (bà) Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B điều chỉnh phần bồi thường giá trị quyền sử dụng đất: 569m² đất nông nghiệp vị trí 5 đường loại 2 (đường C) tại Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 từ đơn giá: 3.103.000 đồng/m² lên 3.530.000 đồng/m²; thành tiền 2.008.570.000 đồng. Lý do bổ sung: áp dụng giá đất tại thời điểm thu hồi tháng 8/2022 thể hiện

tại Quyết định số 8044/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND thành phố V. Như vậy, UBND thành phố V đã xác định giá trị đất thực hiện bồi thường diện tích 569,0m² đất nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất (tháng 08/2022) là đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013.

[7.2] Năm 2015, UBND thành phố V đã thu hồi một phần đất đang sử dụng của các hộ dân trong đó có ông Phạm Văn T2 để làm đường đi vào Trạm biến áp 220/110KV. Tuy nhiên, đường đi vào Trạm biến áp chưa được Nhà nước đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn quy định, mà chỉ thu hồi đất, rải đá, mở rộng con hẻm G đường C hiện hữu để Tổng Công ty T5 (Ban Quản lý Dự án các công trình điện M chủ đầu tư) chuyên chở thiết bị điện vào nơi đặt Trạm biến áp 220/110KV. Do đó, tuyến đường này chưa được đưa vào Bảng giá đất hàng năm của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định, chưa được thể hiện trên hồ sơ địa chính tại thời điểm thu hồi đất.

Vị trí đất thu hồi của ông Phạm Trọng T tính từ tìm thửa đất ra đường đường 30/4 (đường loại 2) khoảng 601m, nếu đi ra đường B (đường loại 4) khoảng 407m. Như vậy, thửa đất của ông T có nhiều lối đi ra đường chính. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 5 Điều 9 Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020-31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì thửa đất của ông T được xác định vị trí 5 gần đường phố chính là đường B (đường L). Tuy nhiên, UBND thành phố V đã xác định giá đất bồi thường cho hộ ông T theo đường phố chính có giá trị cao nhất thuộc vị trí 5 đường C (đường L) là có lợi cho người sử dụng đất và đúng quy định.

[7.3] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố V cấp cho ông Phạm Văn T2 ngày 11/10/2010 thì diện tích đất thu hồi 569m² thuộc thửa 152 là loại đất trồng cây lâu năm khác. Do đó, UBND thành phố V xác định giá trị đất được bồi thường là loại đất nông nghiệp là đúng quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013.

[7.4] Theo Biên bản kiểm kê của Hội đồng bồi thường đã ghi nhận được ông T có sử dụng (nhà tạm loại (5,24 x 10,4)m, nhà 01 tầng loại 2 (5,25 x 9,6)m + gác loại 5 (5,25 x 9,6)m và mái lá, nền bê tông (5,25 x 5,0)m. Căn cứ vào Biên bản họp ngày 08/4/2022 và ngày 20/5/2023 của U có sự tham gia của Tổ trưởng tổ dân phố, phố khu phố, công an khu vực, các hộ dân sống lâu năm, biên bản làm việc ngày 04/7/2023 của UBND phường U đều thể hiện: Nhà của ông T đang sử dụng được xây dựng từ năm 2015 – 2016. Vì vậy, tại Biên bản xét duyệt của U ngày 12/4/2022 và UBND thành phố V xác định thời điểm xây dựng nhà của ông T là sau ngày 01/7/2006 và xây dựng trên đất nông nghiệp là phù hợp.

Căn cứ khoản 4 Điều 1 Quyết định 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh B về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B, bổ sung Điều 17b về hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt thì nhà ở và công trình phục vụ sinh hoạt có trên đất của ông T không đủ điều

kiện để được bồi thường và hỗ trợ.

[7.5] Gia đình ông T bị thu hồi loại đất nông nghiệp, không phải là đất ở, nên UBND thành phố V không bồi thường bằng đất ở (đất tái định cư) theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai 2013 là phù hợp.

[7.6] Gia đình ông T không trực tiếp sử dụng diện tích đất bị thu hồi vào mục đích sản xuất nông nghiệp và không có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích đất này. Nên việc ông T yêu cầu được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 19 được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; điểm a, c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T8 về xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

[7.7] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 10935/QĐ-UBND, Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND thành phố V đúng pháp luật, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy các quyết định này là có căn cứ.

[8] Do Quyết định số 10935/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND thành phố V có hiệu lực thi hành. Ủy ban nhân dân Phường U đã vận động gia đình ông T bàn giao đất để thực hiện dự án nhưng vẫn không tự nguyện bàn giao đất theo Thông báo của UBND thành phố V nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND để cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông T được miễn án phí phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí,

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, ông Phạm Trọng T.
2. Giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng T về việc:

3.1. Yêu cầu hủy Quyết định số 10935/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V “Về việc thu hồi 569,0m² đất của ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B là người có liên quan) đang sử dụng tại Phường A để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V”;

3.2. Yêu cầu hủy Quyết định số 10944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Phạm Văn T2 (các ông, bà Phạm Trọng T, Nguyễn Duy K1, Tô Sỹ B (là người có liên quan), địa chỉ thu hồi tại Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà tang lễ thành phố V”.

3.3. Yêu cầu hủy Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V “Về việc cưỡng chế thu hồi đất”.

3.4. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V: Hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt cho gia đình ông T; xác định lại giá đất mới tại thời điểm thu hồi đất theo tuyến đường hiện hữu tiếp giáp với đất bị thu để bồi thường và bồi thường diện tích đất 100m² đã thu hồi của gia đình ông T theo giá đất ở, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông Phạm Trọng T.

4. Về án phí: Ông Phạm Trọng T được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương